

ỦY BAN DÂN TỘC  
CHƯƠNG TRÌNH KH&CN CẤP QUỐC GIA  
GIAI ĐOẠN 2016-2020, CTDT/16-20

**BÁO CÁO**  
**KIẾN NGHỊ GIẢI PHÁP**  
ĐỀ TÀI CẤP QUỐC GIA  
Mã số: CTDT.44.18/16-20

**NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN**  
**VỀ PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ**  
**ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA**

Chủ nhiệm đề tài: TS. Nguyễn Đình Tuấn  
Cơ quan chủ trì: Viện Nghiên cứu Con người

CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI



Nguyễn Đình Tuấn

Tổ chức chủ trì Đề tài  
VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Hoài Lê

Hà Nội, 2020

ỦY BAN DÂN TỘC  
CHƯƠNG TRÌNH KH&CN CẤP QUỐC GIA  
GIAI ĐOẠN 2016-2020, CTDT/16-20

**BÁO CÁO**  
**KIẾN NGHỊ GIẢI PHÁP**  
**ĐỀ TÀI CẤP QUỐC GIA**  
**Mã số: CTDT.44.18/16-20**

**NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN**  
**VỀ PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ**  
**ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA**

Chủ nhiệm đề tài: **TS. Nguyễn Đình Tuấn**  
Cơ quan chủ trì: **Viện Nghiên cứu Con người**

*Hà Nội, 2020*

# **BÁO CÁO KIẾN NGHỊ GIẢI PHÁP**

## **I. Các giải pháp chung**

*1/ Đổi mới nhận thức, quan điểm của cán bộ, đảng viên về dân tộc, vấn đề dân tộc và chính sách dân tộc trong tình hình mới.*

Trước hết phải thay đổi một cách căn bản và thực sự khoa học trong nhận thức về vấn đề dân tộc. Giáo dục, tuyên truyền làm sâu sắc thêm, làm thay đổi nhận thức của cán bộ, đảng viên về cộng đồng các DTTS nước ta, về vấn đề dân tộc, chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước ta. Chỉ xuất phát từ nhận thức đúng bản chất, nội hàm như vậy mới là cơ sở để xây dựng hệ quan điểm và đưa ra các chủ trương đường lối chính sách đúng đắn.

Tuy chỉ chiếm khoảng 1/7 dân số cả nước nhưng DTTS lại có đến 53 tộc người, không những thế, mối quan hệ của 53 tộc người này không bị giới hạn bởi địa giới hành chính quốc gia mà nhiều tộc người có mối quan hệ đồng tộc khá chặt chẽ với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Ở chiều cạnh khác, sự nhận thức về dân tộc, vấn đề dân tộc cũng cần phải mang tính toàn diện hơn. Trong bối cảnh hiện nay, vấn đề dân tộc, nhân quyền, dân tộc - tôn giáo, đói nghèo... đã không còn là công việc nội bộ của một quốc gia, vì vậy khi giải quyết cần phải cân nhắc, có tính đến những vấn đề luật pháp và các công ước, điều ước quốc tế...

Một trong những vấn đề cũng rất cần phải quan tâm đổi mới đó là nhận thức về chính sách dân tộc. Trước hết phải nhận thức một cách đúng đắn nội hàm chính sách dân tộc là dạng chính sách công. Khắc phục tư tưởng cho rằng đồng bào dân tộc là đối tượng thụ hưởng một cách thụ động, vì vậy nguyện vọng và mong muốn của họ chưa được coi trọng, chưa thực sự xem người dân cần gì và ý kiến của họ thế nào. Cũng xuất phát từ nhận thức chính sách dân tộc là sự hỗ trợ của Nhà nước cho đồng bào dân tộc, nên một số chính sách trong thời gian qua nội dung đầu tư phát triển khá mờ nhạt, vì vậy đã làm cho tính chất của chính sách công chưa được thể hiện rõ.

Trên cơ sở làm rõ về nhận thức, quan điểm của Đảng đối với vấn đề dân tộc, tiến hành làm tốt công tác giáo dục, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên trong cả hệ thống chính trị từ trung ương đến địa phương để thống nhất về nhận thức cũng hành động thực tiễn. Trong công tác xây dựng chính sách, nhóm đối tượng cần quan tâm nâng cao nhận thức trước tiên là đội ngũ cán bộ cấp cao trong bộ máy ở trung ương - những người có vai trò, tiếng nói quan trọng trong đề xuất và xây dựng chính sách. Cần đưa những kiến thức về vấn đề dân tộc, nội dung

công tác dân tộc vào chương trình đào tạo bồi dưỡng nhằm giúp họ am hiểu một cách đầy đủ, toàn diện và sâu sắc về DTTS và vùng DTTS.

Đối với nhóm đối tượng là cán bộ công tác ở vùng DTTS hoặc cán bộ làm việc trong lĩnh vực có liên quan đến DTTS cần có quy định bắt buộc về việc bồi dưỡng kiến thức về dân tộc và công tác dân tộc. Đưa chuyên đề công tác dân tộc với nội dung và thời lượng nhất định và coi đây là một trong những nội dung quan trọng trong chương trình đào tạo lý luận chính trị đối với cán bộ nguồn lãnh đạo và cán bộ công tác ở vùng DTTS. Đối với cán bộ công tác liên quan đến lĩnh vực DTTS hoặc ở vùng DTTS nhất thiết quy định phải học qua lớp bồi dưỡng cán bộ làm công tác dân tộc. Coi đây là tiêu chí để cân nhắc, bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo.

Tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức cho cộng đồng, người dân về quan điểm, đường lối của Đảng, Nhà nước đối với vấn đề dân tộc và chính sách dân tộc. Nêu rõ bản chất ưu việt của chế độ đối với công tác dân tộc, các chính sách đại đoàn kết các dân tộc của Đảng và Nhà nước ta và âm mưu phá hoại, chia rẽ đoàn kết dân tộc của các thế lực thù địch. Việc tuyên truyền nâng cao nhận thức còn phải tập trung vào một nội dung quan trọng đó là xác lập ý thức cộng đồng của tộc người đối với việc xây dựng và bảo vệ lợi ích chung của quốc gia dân tộc. Mỗi công dân và mỗi tộc người trong cộng đồng 54 dân tộc Việt Nam đều có ý thức, trách nhiệm trong việc xây dựng, duy trì, củng cố và phát triển mối quan hệ “Bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng” trong một quốc gia thống nhất.

Giáo dục nâng cao nhận thức cho cộng đồng các dân tộc hiểu và tôn trọng các giá trị văn hóa truyền thống của nhau, từ đó thực hiện tốt chính sách: Đoàn kết, bình đẳng, giúp nhau cùng tiến bộ.

*2/ Thể chế hóa các quan điểm, đường lối của Đảng về vấn đề dân tộc và chính sách dân tộc*

Nhìn lại một cách có hệ thống cho thấy từ khi thành lập và lãnh đạo đất nước cho đến nay, Đảng ta đã ban hành khá nhiều quan điểm, đường lối về các vấn đề có liên quan đến dân tộc và công tác dân tộc. Tuy nhiên, để các quan điểm, đường lối này thực sự đi vào cuộc sống, thì cần phải được thể chế hóa một cách triệt để, toàn diện. Thực tế cho thấy đến thời điểm hiện nay, công tác thể chế hóa quan điểm, chủ trương của Đảng về công tác dân tộc vẫn còn những điểm chưa đạt yêu cầu.

Thể chế hóa vừa làm mục tiêu vừa là yêu cầu đang đặt ra hiện nay, nhất là trong bối cảnh Việt Nam đang hướng đến xây dựng một nhà nước pháp quyền XHCN. Trọng tâm của cải cách thể chế tập trung vào: Xây dựng và hoàn thiện hệ thống luật pháp nhất quán, đầy đủ, khả thi và minh bạch với trọng tâm là sự hoàn chỉnh của những qui định pháp lý về nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN; xây dựng một nhà nước Việt Nam pháp quyền XHCN của dân, do dân và vì dân; đổi mới cơ bản các cơ chế xây dựng và thực thi luật pháp; tăng cường vai trò và

hiệu quả của luật pháp trong việc đóng góp cho công tác quản lý xã hội tốt, duy trì ổn định xã hội, phát triển kinh tế quốc dân, hội nhập quốc tế, xây dựng một nhà nước trong sạch và vững mạnh, thực thi các quyền con người và dân chủ, sự tự do của công dân và làm cho Việt Nam trở thành một nước công nghiệp và hiện đại vào năm 2020.

Đối với lĩnh vực dân tộc, việc thực hiện thể chế hóa phải được xác lập từ hiến pháp hóa; luật hóa các quan điểm, đường lối của đảng; hoàn thiện các nội dung và phân định rõ trách nhiệm của Quốc hội và Chính phủ trong quyết định và thực hiện chính sách dân tộc...; tiếp đó là cần phải cụ thể hóa các chính sách khung trong luật thành các chính sách cụ thể có liên quan...

Đến thời điểm hiện nay, về Hiến pháp, đã có những điều khoản dành riêng cho việc đề cập đến DTTS như: Điều 5, Hiến pháp sửa đổi ghi rõ: "1. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là quốc gia thống nhất của các dân tộc cùng sinh sống trên đất nước Việt Nam. 2. Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; nghiêm cấm mọi hành vi kỳ thị, chia rẽ dân tộc. 3. Ngôn ngữ quốc gia là tiếng Việt. Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc dân tộc, phát huy phong tục, tập quán, truyền thống và văn hóa tốt đẹp của mình. 4. Nhà nước thực hiện chính sách phát triển toàn diện và tạo điều kiện để các DTTS phát huy nội lực, cùng phát triển với đất nước". Không chỉ được nhấn mạnh ở Điều 5, Hiến pháp 2013 còn làm rõ quyền của các DTTS và làm rõ hơn vai trò của Nhà nước trong việc thực hiện các quyền đó. Như Điều 42, Chương II Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân: "Công dân có quyền xác định dân tộc của mình, sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ, lựa chọn ngôn ngữ giao tiếp"; hay Điều 61, Chương III: Kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường: "Nhà nước ưu tiên phát triển giáo dục ở miền núi, hải đảo, vùng đồng bào DTTS và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn...". Liên quan đến chính sách dân tộc, Hiến pháp năm 2013 cũng đã thể hiện tại khoản 5 Điều 70 "Quốc hội quyết định chính sách dân tộc của nhà nước"... Như vậy có thể thấy cơ bản các quan điểm, đường lối của Đảng đã được thể chế trong Hiến pháp năm 2013.

Việc thể chế hóa các quy định của Hiến pháp cho đến nay vẫn cần phải có những giải pháp khắc phục trong thời gian tới, trong đó tập trung vào một số nội dung chủ yếu sau đây:

Cụ thể hóa các quy định trong Hiến pháp được sửa đổi và ban hành có liên quan đến vấn đề dân tộc, để bổ sung, chỉnh sửa, hoàn thiện và ban hành mới các văn bản Luật của Quốc hội và Nghị định của Chính phủ để làm cơ sở cho ban hành chính sách liên quan đến vấn đề dân tộc và vùng DTTS.

Ngoài một số Luật đã được ban hành như: Đất đai, Khoa học và Công nghệ... Cần tiếp tục tiến hành sửa đổi, bổ sung hoàn thiện một số luật cơ bản khác có liên

quan đến vấn đề dân tộc trên cơ sở đảm bảo quan điểm của Đảng về quan hệ dân tộc “bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng tiến bộ”.

Thế chế hóa các chỉ tiêu phát triển liên quan đến DTTS như: đảm bảo quyền tham chính, giảm nghèo, phát triển giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội, môi trường... trong các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm của quốc gia; ban hành các nghị quyết chuyên đề về dân tộc và chính sách dân tộc do Quốc hội xem xét quyết định và tổ chức giám sát định kỳ, đột xuất thực hiện chính sách dân tộc ở các bộ, ngành và các địa phương, đảm bảo chính sách mang lại hiệu quả thiết thực.

### *3/ Đổi mới công tác xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách dân tộc*

Trong thời gian tới cần chú ý đổi mới công tác xây dựng chính sách để hình thành hệ thống chính sách có sự tập trung, đồng bộ, chiến lược lâu dài, gắn chính sách phát triển kinh tế - xã hội với PTCN.

Trong điều kiện các dân tộc sinh sống đan xen nhau như hiện nay, các chính sách nên tập trung theo vùng DTTS, hạn chế chính sách, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội riêng đối với từng dân tộc, ngoại trừ những trường hợp đặc biệt như bảo tồn những giá trị truyền thống dân tộc, ngôn ngữ... nhằm tránh những phân biệt xã hội cho rằng chính sách mang tính phân biệt giữa các dân tộc.

Trong xây dựng, thực hiện chính sách cần chú ý đến tính công bằng giữa các vùng, các dân tộc, đặt mục tiêu công bằng, bình đẳng trong chính sách giữa các dân tộc, không phân biệt đối xử thông qua chính sách giữa các dân tộc... trên cơ sở đảm bảo hài hòa lợi ích dân tộc, lợi ích quốc gia. Quy trình hóa các quy định về xây dựng chính sách công nói chung và chính sách giải quyết vấn đề dân tộc nói riêng, chú ý các phương pháp xây dựng chính sách từ dưới lên, trên cơ sở phù hợp với điều kiện thực tiễn.

Xây dựng chính sách cho vùng DTTS phải dựa theo trình độ phát triển của địa bàn, của nhóm dân tộc và của vùng đặc thù. Cần phải làm tốt công tác phân loại trình độ phát triển, chia ra nhiều cấp độ để ban hành chính sách cho phù hợp. Để làm tốt công tác này cần phải thực hiện sớm hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về các DTTS và các vùng DTTS ở nước ta. Bên cạnh đó, việc xây dựng chính sách cho vùng DTTS cần tham khảo những thành tựu về PTCN, mà cụ thể ở đây là chỉ số HDI. Điều này sẽ giúp chính sách hiệu quả hơn, bởi quan điểm PTCN không gì khác là hướng đến mục tiêu vì con người. Bài học kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới (như Brasil, Trung Quốc) cho thấy trong xây dựng kế hoạch phát triển và phân bổ ngân sách cho các địa phương thường dựa vào chỉ số HDI, qua đó góp phần thu hẹp khoảng cách chênh lệch trong phát triển giữa các vùng, các địa phương.

Trong xây dựng chính sách dân tộc cần tôn trọng những đặc thù và tiếng nói của người dân (gồm cả người DTTS và đa số trên cùng địa bàn); kết nối chặt chẽ và

tham vấn ý kiến của các nhà khoa học; cập nhật luật pháp, quy định quốc tế có liên quan đến vấn đề dân tộc; gắn phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội hướng đến mục tiêu phát triển vì con người.

Rà soát, cơ cấu lại các chương trình, chính sách cho vùng DTTS, người DTTS nhằm thu gọn thống nhất đầu mối thực hiện, tránh chồng chéo, phân tán nguồn lực, nâng cao tính hiệu quả của việc thực hiện các chương trình, chính sách, nhất là các Chương trình mục tiêu quốc gia.

Đổi mới công tác tổ chức thực hiện chính sách trong đó tập trung vào cơ chế quản lý và thực hiện chính sách; làm rõ trách nhiệm của các cơ quan trong hệ thống Nhà nước liên quan đến chính sách dân tộc; phân cấp mạnh mẽ hơn cho địa phương theo hướng trung ương chỉ tổ chức xây dựng các chính sách khung và thực hiện quản lý theo mục tiêu, việc tổ chức thực hiện và sử dụng ngân sách giao cho địa phương chủ động, trên cơ sở Nhà nước đảm bảo đủ nguồn ngân sách cho thực hiện chính sách; thực hiện trao quyền một cách đầy đủ cho người dân và cộng đồng trong tổ chức thực hiện một số nội dung chính sách mà người dân và cộng đồng có thể tự quản lý và tổ chức thực hiện được nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng kinh phí.

Thực hiện tốt công tác giám sát đánh giá chính sách, trước hết Quốc hội cần phát huy quyết liệt hơn nữa việc giám sát theo chuyên đề, thực hiện các cuộc giám sát tối cao theo từng lĩnh vực chính sách có liên quan đến chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội...; Phát huy vai trò giám sát của HĐND và các tổ chức chính trị, xã hội đối với việc triển khai thực hiện các chính sách tại các địa phương có đồng bào dân tộc. Áp dụng cơ chế đánh giá độc lập, thay cho hình thức tự đánh giá mà các cơ quan chủ trì thực hiện chính sách đang làm như hiện nay để đảm bảo tính khách quan, minh bạch về hiệu quả thực sự của chính sách đem lại.

## **II. Đề xuất một số giải pháp, chính sách cụ thể**

*1/ Nhóm giải pháp chính sách nâng cao mức sống cho người dân vùng dân tộc thiểu số (gắn với các cơ quan như: Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội; Bộ Tài nguyên và Môi trường; Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành vùng dân tộc thiểu số)*

*\* Chính sách phát triển kinh tế vùng dân tộc*

Qua thực trạng PTCN vùng DTTS trong những năm qua có thể nhận thấy thu nhập vẫn là một chỉ tiêu thấp nhất trong các chỉ tiêu thành phần của chỉ số HDI. Do đó Nhà nước cần tiếp tục tập trung các chính sách vào phát triển kinh tế, thực hiện giảm nghèo bền vững vùng DTTS, nhất là những vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn, trong đó, chú ý:

- Đảm bảo các điều kiện cần thiết, cũng như môi trường tốt nhất để phục vụ hỗ trợ, thúc đẩy phát triển sản xuất cụ thể: (i) Ban hành các cơ chế chính sách

khuyến khích, tạo điều kiện tốt nhất và tạo động lực thu hút sự tham gia tích cực của người dân vào sản xuất; (ii) Tập trung nguồn lực giải quyết vấn đề cơ sở hạ tầng như: giao thông, điện, đường, trường học, thủy lợi, chợ, thông tin và phát triển các dịch vụ hạ tầng cơ bản khác; (iii) Tạo sự kết nối thị trường giữa người sản xuất (người dân) với người phân phối, tiêu thụ sản phẩm.

- Giải quyết vấn đề đất sản xuất cho đồng bào DTTS: (i) Trước hết, “giao đất, giao rừng” cần tiếp tục được thực hiện trên cơ sở đúc rút các bài học thành công về giao đất lâm nghiệp cho các hộ nghèo, hộ DTTS theo một quy trình có sự tham gia của chính các hộ gia đình. (ii) Thứ hai, thúc đẩy phát triển sinh kế lâm nghiệp và nông lâm nghiệp kết hợp để đảm bảo các hộ DTTS có thể khai thác hiệu quả đất lâm nghiệp.

- Đánh giá tổng thể lợi thế phát triển kinh tế của từng vùng, từng địa phương thuộc vùng DTTS qua đó để xác định những lợi thế và hạn chế trong cơ hội phát triển kinh tế của từ vùng, từng địa phương. Có sự kết nối, gắn kết giữa các vùng, các địa phương trong quá trình phát triển kinh tế. Sự kết nối ở đây không chỉ ở hạ tầng giao thông mà nó bao gồm cả kết nối chia sẻ thông tin, kết nối thị trường, kết nối lao động...

- Chương trình “mỗi xã một sản phẩm” là một chủ trương đúng, phù hợp với bối cảnh hiện nay nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng nông thôn. Điều này cũng đã được một số quốc gia áp dụng thành công trong việc nâng cao mức sống, thu nhập cho người dân vùng DTTS. Tuy nhiên, đối với những xã thuộc vùng DTTS cần có những chính sách hỗ trợ, định hướng phù hợp, phát huy thế mạnh của từng địa phương, trong đó có tính đến sự đa dạng và những giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc. Những sản phẩm của địa phương cần dựa trên những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, của cộng đồng và của địa phương.

- Tạo cơ chế chính sách thuận lợi nhằm thu hút doanh nghiệp đến đầu tư, phát triển tại vùng DTTS, nhất là các vùng khó khăn. Đồng thời khuyến khích hỗ trợ phát triển đối với các doanh nghiệp sử dụng các nguyên liệu và nguồn lực tại chỗ nhằm tạo việc làm và thu nhập cho người dân. Tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại địa phương, nhất là các doanh nghiệp thu hút nhiều lao động người địa phương.

- Ban hành các chính sách nhằm tạo điều kiện (như phát triển cơ sở hạ tầng, giảm thuế, vay vốn ưu đãi, tìm thị trường tiêu thụ sản phẩm) và khuyến khích các doanh nghiệp và người dân áp dụng tiến bộ của khoa học kỹ thuật vào sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm. Để làm được việc này có hiệu quả thì cần phải có sự kết nối giữa người sản xuất và thị trường tiêu thụ sản phẩm. Trên cơ sở nghiên cứu có định hướng quy hoạch sản xuất cho từng vùng



nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế của từng vùng, phát triển trồng trọt, nghề rừng và chăn nuôi theo hướng sản xuất gắn với thị trường.

- Từng bước chuyển dịch và tiến tới phân bổ lao động vùng DTTS hợp lý hơn theo hướng tập trung nâng cao trình độ, năng lực cho những người dân trong độ tuổi trung niên trở lên đã gắn bó với sản xuất nông nghiệp để họ tiếp tục duy trì và phát triển sinh kế nông nghiệp nhưng với năng suất, chất lượng cao hơn. Song song với đó là đào tạo nghề cho thanh niên nhằm nâng cao năng lực, trình độ tay nghề và kiến thức từ đó có thể chuyển dần sang lao động trong các ngành nghề phi nông nghiệp. Đây là xu hướng chuyển dịch quan trọng theo hướng CNH, HĐH và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS trong giai đoạn tới.

- Giải quyết tình trạng thất nghiệp, thiếu việc làm, trong đó chú ý kết hợp giữa tạo việc làm tại chỗ thông qua phát triển các sinh kế truyền thống, đồng thời tạo ra các sinh kế mới phi truyền thống, nhất là phát triển doanh nghiệp trong vùng DTTS.

Đào tạo nghề phải gắn với nhu cầu thị trường để tránh sự lãng phí về nguồn lực, đào tạo nghề xong không tìm được việc làm, dẫn đến tình trạng người dân không sẵn sàng cho việc tham gia vào đào tạo nghề. Cụ thể ở đây, đó là đào tạo nghề cần có sự gắn kết giữa lao động (người học) với cơ sở đào tạo và doanh nghiệp sử dụng lao động. Sự gắn kết này giúp cho người học sau khi học xong có cơ hội làm việc ngay tại doanh nghiệp tham gia đào tạo. Điều này không chỉ giúp lao động có việc làm, nâng cao điều kiện sống mà còn nhằm giảm gánh nặng cho các địa phương hiện đang thiếu quỹ đất sản xuất. Tăng cường cung cấp thông tin thị trường lao động, đẩy mạnh và mở rộng công tác tư vấn, hướng nghiệp, giới thiệu việc làm cho người dân vùng DTTS.

- Thực hiện tốt chính sách quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, bảo vệ nguồn nước, bảo vệ môi trường sinh thái vùng DTTS. Tạo mối quan hệ hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với đảm bảo môi trường sống và con người. Trong đó con người phải được đặt vào trung tâm của mối quan hệ đó. Có những chính sách tạo sinh kế cho người dân ở những khu vực bị thu hồi đất hoặc người dân sống gần những khu rừng đặc dụng. Điều này không chỉ tạo sự ổn định trong cuộc sống mà giúp người dân không có những hoạt động ảnh hưởng đến những khu rừng đặc dụng.

*\* Chính sách giảm nghèo và sách an sinh xã hội cho người dân vùng DTTS*

Nghèo và PTCN có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, người nghèo thường mất đi cơ hội để nâng cao năng lực, do đó, giảm nghèo là cách tốt nhất để thúc đẩy khả năng PTCN. Vùng DTTS với đặc điểm là nơi tập trung tỷ lệ nghèo cao, do đó để thúc đẩy PTCN, Nhà nước cần tiếp tục thực hiện các chính sách giảm nghèo và đảm bảo an sinh xã hội cho người dân vùng DTTS. Trong đó cần có sự phân loại hộ nghèo như: hộ nghèo có khả năng thoát nghèo và hộ nghèo không có khả năng thoát nghèo (hộ không có người trong độ tuổi lao động hoặc không có người còn khả

năng lao động như: người cao tuổi cô đơn, người mắc bệnh hiểm nghèo, người khuyết tật đặc biệt nặng) để đưa ra những chính sách phù hợp cho người nghèo. Sự phân chia này sẽ hạn chế phần nào tình trạng một số người ỷ lại, trông chờ vào chính sách hỗ trợ của Nhà nước và sự hỗ trợ của các tổ chức xã hội.

Đối với những hộ không có khả năng thoát nghèo các chính sách hướng vào sự hỗ trợ. Còn đối với những hộ có khả năng thoát nghèo chính sách giảm nghèo được xây dựng và triển khai theo hướng: chú trọng nâng cao năng lực cho hộ nghèo, để người nghèo có thể sử dụng năng lực đó thoát nghèo; hỗ trợ có điều kiện, tạo sinh kế bền vững cho người dân; tăng hỗ trợ cho vay với chính sách ưu đãi, giảm cho không. Điều này đồng nghĩa với việc cần phải thực hiện tái cơ cấu các nội dung hỗ trợ trong chính sách giảm nghèo theo hướng tăng tỷ trọng đầu tư hỗ trợ các hoạt động phát triển sinh kế, nâng cao năng lực cá nhân, cho hộ và cho cộng đồng.

Trong điều kiện tự nhiên hết sức khó khăn, đặc biệt về đất đai, địa hình, môi trường sinh kế không thuận lợi so với khu vực khác, vì vậy, tư liệu sản xuất cơ bản, các dịch vụ hỗ trợ sản xuất và kỹ năng, năng lực làm quen và tiếp cận thị trường là những yêu cầu hết sức cơ bản để đảm bảo phát triển kinh tế vùng DTTS. Do đó, các nhóm chính sách đáp ứng nhu cầu này cần tiếp tục được triển khai thực hiện. Điểm mấu chốt là các đầu tư hỗ trợ nhằm nâng cao năng lực nội sinh cho hộ và cộng đồng - yếu tố quyết định đến sự phát triển phải được coi trọng và thực hiện một cách khoa học, nghiêm túc. Chỉ khi nào năng lực nội sinh của cá nhân, của hộ gia đình và của cộng đồng đáp ứng được thì mới đủ khả năng tiếp nhận, sử dụng các nguồn lực hỗ trợ và các cơ hội đầu tư để thoát nghèo và tạo ra sự phát triển bền vững.

Sự thay đổi về đánh giá nghèo theo hướng đa chiều cũng đòi hỏi chính sách giảm nghèo cần phải có những thay đổi phù hợp. Theo đó, tình trạng nghèo đa chiều không chỉ đơn thuần là nghèo về thu nhập, vì vậy chính sách giảm nghèo không chỉ tập trung vào nâng cao thu nhập mà cần chú trọng cả những chiều phi thu nhập. Chính sách giảm nghèo cần quan tâm cả nâng cao nhận thức cho người dân và cộng đồng về môi trường sống hợp vệ sinh (bởi đây là một trong những chiều cạnh có tỷ lệ hộ nghèo thiếu hụt cao nhất ở các hộ gia đình vùng DTTS hiện nay). Bên cạnh đó, từ khía cạnh những người làm công tác dân tộc, UBND cũng cần đề xuất với Bộ LĐ-TB&XH về việc có những thay đổi trong các chỉ tiêu đánh giá nghèo đa chiều tại vùng DTTS một cách phù hợp hơn, cần tính đến sự đặc thù của vùng DTTS, ví dụ như tiêu chí về nhà ở hay điều kiện sống (nước sạch và vệ sinh).

Cần có sự phân cấp cho địa phương trực tiếp quản lý nguồn lực, thực hiện đầu tư có trọng điểm vào từng dự án cụ thể. Tập trung ưu tiên đầu tư trước những chương trình, dự án thiết thực nhằm đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất và đời sống của người dân. Đa dạng hóa nguồn lực trong việc thực hiện chính sách, chú trọng phát huy nội lực của đồng bào DTTS, khắc phục tình trạng trông chờ, ỷ lại; khơi

dậy tính sáng tạo, không cam chịu đói nghèo, vượt khó, vươn lên của đồng bào DTTS. Quá trình triển khai thực hiện các chính sách giảm nghèo cần có sự tham gia, giám sát của người dân.

Quy hoạch tổng thể vùng DTTS gắn với ổn định dân cư, đầu tư xây dựng, nâng cấp chất lượng công trình, kết cấu hạ tầng cơ sở các khu dân cư tập trung. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện các trung tâm cụm xã và trung tâm xã, làm trung tâm động lực phát triển cho các vùng nghèo và đặc biệt khó khăn. Đối với các xã đặc biệt khó khăn, cần tăng mức hỗ trợ từ phía Nhà nước, giảm huy động nguồn lực từ dân, chú trọng tới sự tham gia của người dân từ địa phương, người dân được trực tiếp tham gia vào các quá trình từ việc đề xuất hoạt động, ra quyết định, tổ chức triển khai thực hiện (đấu thầu, thi công/thực thi, thanh quyết toán,...), giám sát, quản lý và sử dụng một cách công khai và dân chủ; xem xét giao việc tự xây dựng công trình và trả công cho người dân sẽ là một phương thức tạo việc làm cho người dân góp phần vào mục tiêu giảm nghèo chung.

Gắn các mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ, các mục tiêu phát triển bền vững, phát triển nguồn nhân lực đối với đồng bào DTTS vào các Chiến lược, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn cụ thể ở cả cấp độ quốc gia, cấp bộ, ngành cho đến cấp địa phương. Huy động, bố trí tập trung nguồn lực đầu tư, hỗ trợ để thúc đẩy sớm hoàn thành các mục tiêu phát triển đối với đồng bào DTTS. Trong đó, trọng tâm là các lĩnh vực: Giảm nghèo, an sinh xã hội, y tế, giáo dục và đào tạo.

Đối với người dân ở vùng DTTS nói chung và người nghèo ở vùng DTTS nói riêng đời sống sinh kế chịu sự tác động của nhiều yếu tố từ đặc điểm địa lý, điều kiện tự nhiên (bão, lũ lụt, sạt lở, hạn hán...) cho đến dịch bệnh. Do đó cần xây dựng mạng lưới an sinh xã hội đa tầng cho người nghèo để có thể phòng ngừa trước những rủi ro có thể gặp phải. Khuyến khích, mở rộng diện tham gia và có chính sách hỗ trợ để người dân ở vùng DTTS nói chung và người nghèo vùng DTTS nói riêng tham gia BHXH, bảo hiểm nông nghiệp. Đây chính là một hình thức đảm bảo an sinh xã hội cho người nghèo, để phòng những rủi ro có thể xảy ra trong sản xuất nông nghiệp.

*2/ Nhóm giải pháp nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng thông qua chính sách giáo dục vùng dân tộc thiểu số (gắn với các cơ quan như: Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Lao động, Thương Binh và Xã hội; Bộ Nội vụ; Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành vùng dân tộc thiểu số; Bộ Công an)*

Tiếp tục đầu tư cho giáo dục đào tạo vùng DTTS để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và hướng đến mục tiêu PTCN vùng DTTS đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH. Để thực hiện mục tiêu này, chính sách giáo dục vùng DTTS cần ưu tiên những vấn đề: (i), Chú trọng nâng cao chất lượng công tác đào tạo cao đẳng, đại học ngành sư phạm và đào tạo nâng cao trình độ đội ngũ giáo viên từ bậc học mầm non

đến THPT hiện đang giảng dạy tại vùng DTTS. Bởi đây là đội ngũ nhân lực góp phần quan trọng phát triển đội ngũ nguồn nhân lực có chất lượng cho vùng DTTS sau này. Đi cùng với đào tạo cũng cần phải có chính sách về tiền lương, phụ cấp phù hợp nhằm khuyến khích họ không ngừng học tập nâng cao trình độ và tâm huyết với nghề. (ii) Nói rộng diện học sinh người DTTS được hưởng chính sách miễn giảm học phí và các khoản đóng góp khác; hỗ trợ tiền ăn, tiền ở, đi lại... để tạo cơ hội cho học sinh là người DTTS được đến trường. Bởi khi bậc học càng cao chi phí cho học tập của gia đình càng nhiều hơn, khi đó sẽ dẫn đến tình trạng gia đình bắt học sinh nghỉ học do không có tiền, cũng như học sinh có thể bị bắt ở nhà làm việc kiếm tiền hỗ trợ gia đình hoặc xây dựng gia đình. (iii), Tiếp tục triển khai nhân rộng mô hình giảng dạy song ngữ (tiếng mẹ đẻ và tiếng phổ thông - tiếng Việt) đối với bậc học mầm non và tiểu học. Đặc biệt là đối với giáo dục trẻ ở độ tuổi mẫu giáo mô hình này cần phải nhân rộng, bởi đây là môi trường học đầu tiên trẻ đến trường, làm quen với việc học tập. Đối với một số dân tộc khi ở nhà trẻ ít có cơ hội nghe và nói tiếng phổ thông, do đó nếu đi học giáo viên chỉ dùng tiếng phổ thông sẽ dẫn đến tình trạng không tiếp thu được bài và điều này là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng trẻ không thích học, bỏ học. Có chính sách hỗ trợ để nâng tỷ lệ huy động trẻ em DTTS từ 3-5 tuổi đến trường mầm non; thực hiện mục tiêu 100% số trẻ em DTTS được tiếp cận và làm quen với ngôn ngữ phổ thông trước khi bước vào học lớp 1. (iv) Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng trường lớp và các trang thiết bị phục vụ học tập bậc học mầm non ở vùng DTTS. Đây không chỉ là môi trường học đầu tiên đặt nền móng cho việc học tập của trẻ sau này mà còn cùng với gia đình cung chế độ dinh dưỡng cho trẻ, giúp trẻ phát diện toàn diện về cả thể chất và tinh thần. (v) Xây dựng chương trình đào tạo đối với bậc THCS và THPT ngoài việc đảm bảo kiến thức học tập cũng cần phải tạo dựng cho học sinh vùng DTTS có những kỹ năng, tác phong của thời kỳ công nghiệp hóa. Cần có chính sách phân luồng cho học sinh DTTS học tại các trường PTDTNT, PTDTBT để vừa phát huy được hiệu quả đầu tư xã hội cho giáo dục DTNT vừa sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực được đào tạo.

Đối với nhiều DTTS học phải đi đôi với có việc làm, có thu nhập. Do đó để có thể đưa trẻ đến trường, để trẻ học bậc cao hơn cần chú trọng giáo dục hướng nghiệp - dạy nghề cho học sinh DTTS ở cấp THCS-THPT. Đưa chương trình dạy nghề vào các trường DTNT; phát triển các mô hình trường dạy nghề gắn với các doanh nghiệp phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Để sau khi học xong học sinh có thể tìm được việc làm hoặc biết vận dụng những kiến thức đã được học vào lao động sản xuất tại gia đình, tại địa phương qua đó thể tạo động lực cho con em của họ đến trường.

Ban hành cơ chế, chính sách nhằm củng cố, nâng cao chất lượng hệ thống trường PTDTNT, bán trú; có chính sách hỗ trợ con em DTTS ở xã, thôn bản đặc biệt khó khăn, hạn chế tỷ lệ bỏ học, củng cố vững chắc kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, xóa mù chữ; củng cố, mở rộng các trường (khoa) dự bị đại học, để đảm bảo chất lượng đào tạo đại học người DTTS; phát triển đội ngũ giáo viên người DTTS.

Tiếp tục thực hiện chính sách xóa mù chữ cho người DTTS để mọi người dân có thể biết và sử dụng trong giao tiếp. Bởi khi năng lực ngôn ngữ hạn chế sẽ là rào cản đối với người dân trong tiếp cận các dịch vụ xã hội như giáo dục, y tế... cũng như nói lên tiếng nói của mình khi tham gia vào các cuộc họp, các hoạt động tại địa phương và điều này sẽ làm ảnh hưởng đến chính năng lực con người và khả năng PTCN.

Thực hiện các chương trình, mô hình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao tay nghề, hình thành thế hệ nông dân mới, biết ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, thích ứng với cơ chế thị trường. Chiến lược đào tạo nghề vùng DTTS phải gắn với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, cũng như cần dựa vào đặc điểm văn hóa, xã hội của từng vùng, từng địa phương và từng dân tộc. Tránh lãng phí nguồn lực của Nhà nước và người dân trong đào tạo nghề.

Đổi mới phương thức đào tạo cử tuyển, theo hướng cấp tỉnh quyết định ngành nghề đào tạo và bố trí sử dụng sau khi đào tạo, phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương; khắc phục dần tình trạng sau khi đào tạo cử tuyển không phân công được công tác gây lãng phí nguồn lực cho Nhà nước và giảm lòng tin của nhân dân.

Chú trọng nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực vùng DTTS, đảm bảo hợp lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS, tham gia vào các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập từ trung ương đến cơ sở, đáp ứng yêu cầu thời kỳ CNH, HĐH đất nước. Chính sách đào tạo đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS phải dựa trên cơ sở đánh giá nhu cầu sử dụng trong từng giai đoạn, tránh trường hợp đào tạo thừa không sử dụng, hoặc đào tạo xong không sử dụng được. Trong công tác cán bộ hiện nay cần có chính sách giải quyết phù hợp đối với đội ngũ cán bộ là người DTTS nằm trong diện thực hiện Nghị quyết số 32/NQ-CP, nhất là những cán bộ trước đây đã được cử đi học. Làm sao để những cán bộ trong diện phải nghĩ tìm được việc làm và tạo tâm lý ổn định, tránh để các nhóm phản động lợi dụng kích động những cán bộ này làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự xã hội, cũng như giảm lòng tin của người dân đối với chính sách của Nhà nước.

Tập trung chỉ đạo, thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo, sử dụng cán bộ DTTS ở tất cả các ngành, các cấp. Tham mưu thực hiện bố trí cán bộ người DTTS ở các cơ quan trong hệ thống chính trị với tỷ lệ hợp lý nhằm thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác dân tộc. Đây là khâu quan trọng để tạo sự bình đẳng trong cơ hội phát triển.

Sớm cải thiện chính sách quản lý theo hộ khẩu đối với nhóm dân tộc di cư tự do đến một số địa phương, để những hộ di cư này được hưởng các chính sách của Đảng và Nhà nước về giáo dục, BHYT và các chính sách khác.

*3/ Nhóm giải pháp nhằm nâng cao sức khỏe thông qua chính sách chăm sóc sức khỏe cho người dân vùng dân tộc thiểu số (gắn với các cơ quan như: Bộ Y tế; Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Tài nguyên và Môi trường; Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành vùng dân tộc thiểu số)*

Đề tạo cơ hội cho người dân vùng DTTS tiếp cận với hệ thống CSSK cần tiếp tục đầu tư vào hệ thống y tế cơ sở, bởi đây là mạng lưới y tế trực tiếp gần dân nhất, thực hiện các dịch vụ khám, chữa bệnh cơ bản cho người dân, phát hiện sớm các dịch bệnh... đặc biệt là trong bối cảnh hiện nay khi mà mô hình bệnh tật đang có sự thay đổi và các dịch bệnh gia tăng. Phát triển mạng lưới y tế cơ sở, đưa dịch vụ y tế tới gần dân hơn (bao gồm cả khoảng cách địa lý và tài chính) qua đó nhằm mở rộng cơ hội tiếp cận dịch vụ y tế và giảm các khoản chi phí gián tiếp cho KCB của người dân. Việc đầu tư phải đồng bộ bao gồm cả cơ sở vật chất, trang thiết bị KCB và nhân lực (độ ngũ y, bác sĩ). Điều này nhằm tránh lãng phí nguồn lực, đáp ứng được yêu cầu KCB và công tác CSSK ban đầu. Chính sách đầu tư hệ thống y tế cơ sở cần phải chú trọng cả việc nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh đặc biệt là ở những vùng DTTS còn nhiều người nghèo, vùng khó khăn qua đó giúp người dân có cơ hội tiếp cận với dịch vụ y tế có chất lượng, đồng thời cũng giúp tình trạng chuyển tuyến. Bên cạnh đó, cũng cần tiếp tục thực hiện Đề án 1816, cử cán bộ chuyên môn luân phiên từ bệnh viện tuyến trên về hỗ trợ các bệnh viện tuyến dưới; Quyết định số 14/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện chế độ luân phiên có thời hạn đối với người hành nghề tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh để hỗ trợ kỹ thuật và nâng cao năng lực cho y tế cơ sở, cũng như tiếp tục thực hiện đề án tăng cường bác sỹ về công tác tại trạm y tế xã; và Quyết định số 2628/QĐ-BYT ngày 22 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế, về việc phê duyệt Đề án: “Khám, chữa bệnh từ xa” giai đoạn 2020 - 2025. Những chính sách này nhằm nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và giúp cho người dân ở vùng DTTS có cơ hội tiếp cận với dịch vụ y tế có chất lượng.

Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực y tế cơ sở cả về năng lực chuyên môn lẫn phẩm chất đạo đức. Trước mắt cần phải ưu tiên đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ y tế cơ sở đang công tác tại những vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Trong một số trường hợp ở một số vùng đội ngũ y tế cơ sở cần phải được đào tạo thêm về tiếng dân tộc, vì nhiều nơi người dân không nói được tiếng phổ thông để có thể trao đổi được với cán bộ y tế về tình trạng sức khỏe. Điều này sẽ làm hạn chế cơ hội tiếp cận với dịch vụ y tế tốt nhất của những người dân tộc thiểu số không biết tiếng phổ thông. Đi cùng với đào tạo nâng cao năng

lực, cần có chính sách đãi ngộ cũng như khuyến khích nhằm thu hút nhân lực y tế có trình độ cao về công tác tại vùng DTTS. Mở rộng và nâng cao mức hỗ trợ cho đội ngũ y tế thôn bản, cô đỡ thôn bản, bởi đây vẫn là nguồn lực y tế cơ sở quan trọng ở vùng DTTS. Thường xuyên bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng chuyên môn y tế thông thường cho đội ngũ này.

Thực hiện tốt chính sách hỗ trợ KCB cho hộ đồng bào DTTS nghèo, người dân sống tại vùng khó khăn và ĐBKK. Nghiên cứu đề xuất tăng mức hỗ trợ tiền ăn và đi lại khi điều trị nội trú đối với người nghèo và người DTTS đang sống ở những vùng khó khăn theo Quyết định 14/2012/QĐ-TTg. Chính sách này có thể mở rộng thêm đối với những người nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (không nơi nương tựa) sống ở vùng DTTS nhưng không phải vùng đặc biệt khó khăn.

Mở rộng các khoản miễn giảm trong danh mục KCB cho người nghèo vùng DTTS để họ có cơ hội KCB tốt hơn. Bên cạnh đó, cũng cần nâng mức hỗ trợ mua thẻ BHYT cho nhóm cận nghèo, vì họ cũng là những người dễ rơi vào nhóm nghèo.

Xây dựng chương trình hành động, đề án hoặc chính sách riêng về cải thiện và nâng cao thể trạng tâm vóc cho người DTTS trong từng giai đoạn. Mỗi giai đoạn cần xác định rõ từng mục tiêu đặt ra phù hợp với điều kiện, đặc điểm của người dân từng vùng, từng địa phương.

Tăng cường công tác truyền truyền nâng cao nhận thức về kiến thức phòng và chữa bệnh cho người dân vùng DTTS, nhằm từng bước nâng cao nhận thức và kỹ năng phòng và chữa bệnh cho bản thân và các thành viên trong gia đình.

Nhằm từng bước cải thiện các chỉ số sức khỏe của người dân vùng DTTS, bên cạnh những chính sách ưu tiên đầu tư cho phát triển y tế cần có những chính sách tập trung vào nhóm bà mẹ và trẻ em, cụ thể: (i) Mở rộng dịch vụ tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân miễn phí cho thanh niên vùng DTTS, quản lý thai, khám thai định kỳ, bổ sung vi chất cần thiết cho bà mẹ người DTTS trong giai đoạn mang thai; (ii) Đẩy mạnh thực hiện Nghị định số [39/2015/NĐ-CP](#) của Chính phủ về chăm sóc hỗ trợ cho phụ nữ DTTS nghèo cư trú ở vùng sâu, vùng xa khi sinh con theo đúng chính sách dân số: phụ nữ mang thai và bà mẹ nuôi con bú được cấp miễn phí các vi chất dinh dưỡng cần thiết theo khuyến cáo của ngành Y tế; (iii) Xây dựng chính sách hỗ trợ dinh dưỡng “uống sữa miễn phí” cho trẻ em từ 2 đến 3 tuổi thuộc hộ nghèo vùng khó khăn, phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng cân đối của NSNN; (iv) Thực hiện tốt chính sách tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin cho trẻ em và uống vitamin A.

Cần quy định rõ cam kết, trách nhiệm, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đang thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn vùng DTTS nhất là các công trình thủy điện, khai thác tài nguyên khoáng sản và tài nguyên khác... trong việc thực hiện bảo vệ môi trường cần đóng góp một phần lợi nhuận thu được đầu

tư trở lại môi trường cho vùng DTTS. Bên cạnh đó, các công ty, doanh nghiệp này cần phải thực hiện trách nhiệm xã hội trong thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và đối với người dân của địa phương.

Việc quy định về nơi KCB ban đầu bằng BHYT là phù hợp với điều kiện phát triển hệ thống y tế ở nước ta hiện nay và chính sách KCB bằng BHYT cũng đã có những điều chỉnh cho phù hợp hơn với thực tiễn trong thời gian vừa qua. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại những bất cập cần nghiên cứu để đưa ra những điều chỉnh phù hợp. Một trong những giải pháp cần tính đến trong sử dụng BHYT đó là tính số năm tham gia BHYT. Những người tham gia BHYT nhiều năm cần phải có những chính sách ưu tiên hơn, đây chính là sự công bằng đối với những người tham gia BHYT và nó tạo động lực để người dân, nhất là đối với những nhóm tham gia tự nguyện tham gia liên tục. Chính sách ưu tiên ở đây có thể là tự lựa chọn nơi KCB mà không nhất thiết phải KCB tại nơi đăng ký ban đầu hay phải xin giấy chuyển viện. Tất nhiên ở đây cần phải có quy định về một khoảng thời gian tham gia BHYT, chẳng hạn đối với những người đã tham gia BHYT trong một khoảng thời gian dài (có thể là từ 20 năm liên tục trở lên) có thể lựa chọn cơ sở KCB mà họ có mong muốn. Đây chính là sự bình đẳng trong cơ hội KCB đối với người dân nói chung và người dân ở vùng DTTS nói riêng trong tiếp cận với những dịch vụ y tế có chất lượng.

Tăng cường công tác truyền thông nhằm nâng cao nhận thức của người dân trong phòng chống dịch bệnh và CSSK. Đây là một công tác cần làm thường xuyên, liên tục nhằm cung cấp thông tin và nâng cao nhận thức cho người dân.

*4/ Chính sách dân tộc và chính sách cho vùng dân tộc thiểu số cần đảm bảo các quyền tham chính và tham gia của người dân (gắn với các cơ quan như: Bộ Nội vụ; Ủy ban Dân tộc; Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành vùng dân tộc thiểu số; Mặt trận tổ quốc)*

Các giải pháp trước mắt và lâu dài cần phải đảm bảo, duy trì quyền bình đẳng về chính trị hiện nay của các DTTS. Việc làm đầu tiên đó là cần phải hình thành đội ngũ cán bộ người DTTS đảm bảo cả về cơ cấu, số lượng và chất lượng, nhất là các vùng có đông người DTTS sinh sống. Để thực hiện vấn đề này, trước mắt cần tập trung tổ chức thực hiện có hiệu quả Thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT-BNV-UBND, ngày 11/9/2014, của Bộ Nội vụ và UBND, Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành chính sách cán bộ, công chức, viên chức người DTTS quy định tại Điều 11 Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về công tác dân tộc.

Song song với hình thành đội ngũ cán bộ người DTTS, cần sớm xây dựng đội ngũ trí thức tiêu biểu DTTS. Cần có chính sách tạo động lực để người dân các DTTS học tập nâng cao trình độ, từ đó có thể tham gia vào các bộ máy chính quyền, tham



gia vào tầng lớp trí thức góp phần phát triển vùng DTTS, cũng như trở thành những hạt nhân “dẫn dắt”, định hướng thái độ chính trị của các tộc người đối với Đảng và chế độ. Chính sách này cần phải thực hiện sớm khi còn học phổ thông để có một quá trình rèn luyện. Kết hợp chính sách ưu đãi, chăm sóc, tạo điều kiện cho đội ngũ trí thức này được công hiến, đóng góp vào các chủ trương đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước.

Tạo sự bình đẳng giữa mọi người dân, giữa các dân tộc, giữa các địa phương vùng DTTS trong tiếp cận thông tin và cơ hội tham gia vào các hoạt động chính trị, kinh tế - xã hội tại địa phương. Qua đó để người dân có thể nói lên tiếng nói của mình, tham gia vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và thể hiện vai trò làm chủ của người dân.

Dân chủ là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta, và có vai trò quan trọng trong thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Do đó, để người dân cùng tham gia vào quá trình phát triển các cấp chính quyền địa phương cần có sự công khai minh bạch trong cung cấp thông tin để mọi người dân đều được tiếp cận. Hình thức công khai tại những vùng DTTS phải tính đến những đặc thù riêng như điều kiện địa lý, văn hóa, ngôn ngữ...

*5/ Thực hiện các chính sách văn hóa, xã hội nâng cao năng lực tinh thần cho người dân vùng DTTS (gắn với các cơ quan như: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Y tế; Ủy ban Dân tộc; Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành vùng dân tộc thiểu số)*

Đồng bào DTTS gồm 53 dân tộc với nhiều giá trị văn hóa truyền thống, do đó cần tiếp tục thực hiện các chương trình, đề án về bảo tồn và phát huy văn hóa các DTTS đồng bộ hài hòa trong chiến lược xây dựng văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Bên cạnh đó, cần tiếp tục nghiên cứu, sưu tầm, khôi phục lại bản sắc văn hóa truyền thống của các tộc người, trên cơ sở có sự tham gia, chọn lựa và quyết định từ phía cộng đồng các tộc người cũng như sự phù hợp trong đa dạng của văn hóa quốc gia. Từ đó có chính sách đầu tư bảo tồn, phát huy và phát triển văn hóa các tộc người thiểu số một cách hài hòa, phù hợp trong mối tương quan với văn hóa của cộng đồng 54 dân tộc. Biến những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS thành “sức mạnh mềm” của văn hóa Việt Nam và trở thành nguồn lực để thúc đẩy phát triển kinh tế. Đây cũng chính là một trong những tiềm lực, lợi thế mà cộng đồng các DTTS ở nước ta chưa khai thác, phát huy hết.

Thực hiện các chính sách nhằm tôn vinh các giá trị văn hóa tộc người thiểu số, làm cho chính các cộng đồng tộc người luôn tự hào về văn hóa của dân tộc mình đồng thời tạo cho các tộc người khác ý thức tôn trọng sự khác biệt văn hóa đối với các tộc người khác trong vùng và quốc gia. Phải làm cho các cộng đồng tộc người và toàn xã hội nhận thức được rằng mọi văn hóa đều có giá trị và không có sự phân biệt đối xử giữa các giá trị văn hóa khác nhau. Mọi giá trị văn hóa tộc người đều

nằm trong giá trị văn hóa chung của dân tộc Việt Nam, phù hợp với xu thế phát triển và chế độ chính trị mà toàn dân tộc đã lựa chọn. Khơi dậy những giá trị văn hóa tốt đẹp của các dân tộc thiểu số, góp phần nâng cao đời sống tinh thần cho người dân vùng DTTS.

Cần phải nghiên cứu, xây dựng mô hình tổ chức cộng đồng xã hội trong điều kiện cư trú đan xen “đa tộc người”, nhất là giải quyết các vấn đề về văn hóa, ngôn ngữ, quan hệ xã hội; vấn đề xác lập vị thế, tiếng nói; sự tham chính cũng như thực hiện các quyền bình đẳng khác giữa các tộc người trong cùng một cộng đồng. Tránh các mâu thuẫn xung đột nhất là các xung đột về văn hóa, lợi ích kinh tế, tranh chấp... vì khi những mâu thuẫn này xảy ra rất dễ phát sinh, phát triển thành vấn đề quan hệ, mâu thuẫn dân tộc.

Cần chọn lọc và duy trì và giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa thiết chế truyền thống của cộng đồng tộc người với các thiết chế hành chính hiện đại, gắn với yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Xây dựng, tổ chức thực hiện Đề án nâng cao chất lượng nguồn nhân lực DTTS, trong đó đặc biệt quan tâm đến việc ngăn chặn suy thoái chất lượng nòi giống ở một số tộc có số dân ít, sống biệt lập, các dân tộc có tỷ lệ tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống cao. Đặc biệt chú ý đến tình hình HIV/AIDS vùng DTTS, vì thời gian qua vấn đề này đang có những diễn biến phức tạp ở một số địa phương và một số dân tộc. Cần tăng cường hơn nữa các hoạt động phòng chống tệ nạn ma túy - HIV/AIDS, nhất là trong bối cảnh Việt Nam đã là một quốc gia có thu nhập trung bình, các khoản tài trợ quốc tế cho hoạt động này đã bị cắt giảm lên đến trên 80%.

*6/ Hoàn thiện chính sách theo vùng, tập trung phát triển phát triển con người ở các vùng khó khăn, vùng có các dân tộc đặc thù (gắn với các cơ quan như: Ủy ban Dân tộc; Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành vùng dân tộc thiểu số)*

Cần tiến hành tổng kết đánh giá kết quả thực hiện các chủ trương của Đảng và chính sách của Chính phủ đối với các vùng đã được ban hành trong thời gian qua. Trên cơ sở đó đề xuất bổ sung, hoàn thiện về mặt chủ trương, quan điểm phát triển cũng như các nội dung cơ chế, chính sách cho phù hợp.

Ngoài cách phân vùng như hiện nay, đối với riêng khu vực DTTS, về cơ bản, trong thời gian tới đây, tiếp cận giải quyết chính sách theo vùng vẫn là một hướng đi chính trong hoạch định chính sách công và cần tiếp tục được duy trì và nâng cao hiệu quả của nó trong việc giải quyết các vấn đề dân tộc, PTCN ở vùng dân tộc. Vùng theo chính sách này được chia theo 3 vùng như trước đây (I, II, III) hoặc có thể chia thành 4 vùng: Vùng đặc biệt khó khăn; vùng khó khăn; vùng có trình độ phát triển trung bình; vùng có trình độ phát triển. Tuy nhiên cần tổ chức phân định vùng theo trình độ phát triển theo cách làm mới, hiệu quả chính xác hơn so với cách phân vùng như hiện nay, trong đó tập trung vào việc hoàn thiện bộ tiêu chí phân

định một cách đầy đủ, khoa học và khả thi để có thể xác định và phân loại chính xác, công bằng giữa các địa phương trong cả nước. Khắc phục tình trạng như hiện nay, cũng là xã, thôn được hưởng chương trình 135 nhưng xã, thôn 135 của tỉnh này lại tương đương với xã giàu của tỉnh khác...

Về lâu dài chính sách dân tộc lấy quan điểm tiếp cận đối tượng theo vùng và theo hộ (không phân biệt thành phần dân tộc); trong đó chính sách cho vùng không chỉ tập trung cho các vùng khó khăn mà cả các vùng không khó khăn để tạo động lực thúc đẩy KT-XH khu vực này phát triển.

Cần có chính sách đầu tư thỏa đáng cho vùng biên giới để kết hợp phát triển kinh tế xã hội, vừa đảm bảo an ninh quốc phòng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia bao gồm cả tuyến biên giới giữa Việt Nam với Trung Quốc, Lào và Campuchia. Cần có điều tra khảo sát nhu cầu phát triển từng vùng để có chính sách dân tộc, chính sách PTCN cho phù hợp.

Quan điểm PTCN đó là mở rộng cơ hội và nâng cao năng lực cho mọi người để từ đó con người có thể sử dụng năng lực đó để phát triển. Đối với một số dân tộc hiện nay vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn cho dù Đảng và Nhà nước đã có chủ trương và ban hành nhiều chính sách để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở những vùng và dân tộc này. Do đó, để hướng đến mục tiêu PTCN vùng DTTS cần phải tổng kết, đánh giá một cách khoa học những kết quả đạt được và hạn chế trong việc triển khai thực hiện các chính sách, dự án, đề án phát triển kinh tế - xã hội ở những vùng và các dân tộc đặc thù. Chẳng hạn các dự án dành cho các DTTS rất ít người (dưới 1.000 người); và chính sách cho các dân tộc dưới 10 ngàn người và đề án phát triển kinh tế - xã hội cho các nhóm dân tộc riêng lẻ...

Đối với những dân tộc đặc thù cũng cần phải có những chính sách đặc thù và những chính sách này phải gắn với đặc trưng của vùng, khu vực. Công bằng trong chính sách không nhất thiết lúc nào các dân tộc, các vùng cũng được hưởng giống nhau trong phân bổ nguồn lực. Nhà nước cần tạo cơ hội và ưu tiên hơn cho các dân tộc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn để có thể tiếp cận được với các dịch vụ xã hội từ đó giúp nâng cao năng lực bản thân.

Đi đôi với chính sách ưu tiên phát triển, tại những vùng DTTS còn đặc biệt khó khăn cần phải làm tốt công tác tuyên truyền vận động, nâng cao nhận thức cho người dân nói chung và cộng đồng từng tộc người nói riêng. Qua đó không chỉ để cho người dân hiểu được các chủ trương, chính sách của Nhà nước dành cho đồng bào DTTS mà còn nhằm nâng cao nhận thức, năng lực cho người dân. Khi nhận thức được nâng lên sẽ giúp người dân phát triển kinh tế và tránh được sự lôi kéo của những thế lực thù địch.

Xây dựng báo cáo phát triển con người và tính toán chỉ số phát triển con người vùng DTTS. Cho đến nay chỉ số HDI vẫn được thế giới đánh giá là bộ công

cụ đo lường. đánh giá sự phát triển của các quốc gia phù hợp nhất và được UNDP tính toán đánh giá hàng năm. Nhiều quốc gia trên thế giới đã sử dụng báo cáo PTCN, đặc biệt là chỉ số HDI như một công cụ để làm cơ sở xây dựng chiến lược phát triển, đưa ra những chính sách đầu tư vào phát triển và xem xét sự phân bổ lại các nguồn lực phát triển. Hay một số tổ chức phi chính phủ cũng dựa vào chỉ số HDI của từng vùng, từng địa phương để đưa ra các hình thức hỗ trợ phù hợp. Đối với Việt Nam việc xây dựng báo cáo PTCN cũng như tính toán chỉ số HDI và các chỉ số thành phần còn chưa được thực hiện thường xuyên và cập nhật. Do đó, chúng tôi cho rằng Việt Nam cần tính toán chỉ số HDI và các chỉ số liên quan thường xuyên và có tính cập nhật. Chỉ số HDI cần được tính toán đến cấp huyện, đặc biệt là đối với những địa phương vùng DTTS. Từ tính toán phân tích chỉ số HDI sẽ giúp cho các nhà hoạch định chính sách có được cách nhìn tổng thể về thực trạng PTCN của từng vùng, từng địa phương từ đó có thể biết được cần ưu tiên đầu tư vào lĩnh vực gì và thời điểm nào để tạo sự bình đẳng trong cơ hội PTCN.